

Bản án số: 32/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 30- 01- 2019
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN SƠN, TỈNH TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Anh Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quang Thắng;

Bà Lê Thị Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Phạm Trung Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 297/2018/TLST-HNGĐ, ngày 03/12/2018 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 14/01/2019 giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị H, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Thôn Đồng Phạ, xã K, huyện Y, tỉnh T.

Có mặt;

+ *Bị đơn:* Anh Trương Quang D, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Thôn Đồng Phạ, xã K, huyện Y, tỉnh T.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời trình bày trong phiên hoà giải và trình bày tại phiên tòa của chị Bùi Thị H, chị H trình bày: Vợ chồng chị quen biết, tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân, được cưới hỏi theo phong tục, ngày 12/01/2007 đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện Y, tỉnh T. Sau khi kết hôn vợ chồng chị làm ăn, sinh sống tại thôn Đồng Phạ cùng bố mẹ chồng khoảng 01 tháng. Sau đó làm nhà ra ở riêng. Vợ chồng sống hoà thuận, hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân do chồng chơi cờ bạc; rượu chè bê tha; đánh vợ, con. Chị đã chuyển

xuống quán ở chợ sống ly thân từ ngày 20/10/2018 đến nay. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh D, chị xin ly hôn.

Về con chung: Chị và anh D có 02 con chung là cháu Trương Mỹ A, sinh ngày 10/10/2007 và cháu Trương Quang T, sinh ngày 25/6/2011. Khi ly hôn, chị đồng ý để anh D nuôi cả 02 cháu, chị tự cấp dưỡng theo khả năng.

Về tài sản chung: Chị không đề nghị chia.

Về vay nợ chung: Chị và anh D có nợ nhưng không đề nghị Tòa án phân chia nghĩa vụ trả nợ.

Theo lời khai, lời trình bày trong phiên hoà giải anh Trương Quang D trình bày: Về quen biết, kết hôn, chung sống, con chung như chị H trình bày. Anh chị không có mâu thuẫn gì nhưng chị H tự bỏ đi xuống quán ở chợ ở từ tháng 10/2018. Anh không muốn ly hôn. Đề nghị chị H về đoàn tụ cùng nuôi dạy con cái.

Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung như chị H trình bày. Nếu buộc phải ly hôn, anh đề nghị được nuôi cả 02 cháu.

Kết quả xác minh:

Trưởng thôn Thôn Đồng Phạ, xã K – ông Đặng Văn Thuận cho biết: Chị Bùi Thị H và anh Trương Quang D kết hôn có đăng ký hết hôn. Từ trước không thấy chị H, anh D có mâu thuẫn gì, chỉ từ ngày 20/10/2018 ông nghe mọi người trong thôn nói chị H anh D cãi chửi nhau. Sau đó chị H đi xuống quán cách nhà khoảng 70 mét ở. Ông không biết chị H, anh D mâu thuẫn như thế nào. Anh chị có 02 con chung gồm 01 con gái và 01 con trai.

Cháu An, cháu Thịnh trình bày không thấy bố mẹ cãi, chửi nhau bao giờ. Cháu An muốn ở cả với bố và mẹ. Cháu Thịnh muốn ở với mẹ nếu bố mẹ không ở với nhau.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Thảm phán thực hiện đúng quy định của Điều 28, 48 Bộ luật Tố tụng Dân sự (BLTTDS), xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành tổng đạt các văn bản cho đương sự, gửi cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định.

Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Điều 70, 71 BLTTDS. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Điều 70, 72 BLTTDS.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của BLTTDS.

Về nội dung: Đề nghị xử cho chị Bùi Thị H ly hôn anh Trương Quang D.

Về con chung: Giao cho anh Trương Quang D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Trương Mỹ A, sinh ngày 10/10/2007 và cháu Trương Quang T, sinh ngày 25/6/2011. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung.

Chị Bùi Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Chị H, anh D được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Chị Bùi Thị H nộp các tài liệu:

Trích lục kết hôn; Trích lục khai sinh của các con; Bản sao chứng minh thư nhân dân chị H; Bản sao sổ hộ khẩu;

Anh Trương Quang D nộp bản phô tô chứng minh thư nhân dân.

Tòa án xác minh với Trưởng Thôn Đồng Phạ, xã K.

Chị Bùi Thị H, anh Trương Quang D không thống nhất với nhau về việc ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Tòa án nhận định:

[1] Anh Trương Quang D cư trú tại Thôn Đồng Phạ, xã K, huyện Y. Chị Bùi Thị H có đơn khởi kiện ly hôn, đề nghị giao nuôi con chung. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Y tỉnh T theo quy định của các Điều 28, 35 và Điều 39 BLTTDS.

[2] Tòa án tiến hành hoà giải vụ án nhưng không thành nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử, tổng đạt hợp lệ cho các đương sự. Anh Trương Quang D vắng mặt, Tòa án quyết định hoãn phiên tòa, tổng đạt hợp lệ cho các đương sự. Anh D vắng mặt, căn cứ Điều 228 BLTTDS Tòa án xét xử vụ án.

[3] Hôn nhân của chị Bùi Thị H và anh Trương Quang D trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền do đó hôn nhân là hợp pháp. Cuộc sống chung chị H, anh D theo chị H là phát sinh mâu thuẫn từ lâu, nguyên nhân do anh D chơi cờ bạc, uống rượu say đánh vợ, con. Còn theo anh D thì không có mâu thuẫn gì lớn. Chị H tự bỏ đi sống ly thân. Xét thấy từ khi thụ lý vụ án Tòa án đã hòa giải, tạo điều kiện để vợ chồng chị H, anh D sống đoàn tụ nhưng chị H không về. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh D đã trầm trọng. Cuộc sống chung đã không còn tồn tại. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho chị Bùi Thị H ly hôn anh Trương Quang D.

[4] Con chung: Chị Bùi Thị H và anh Trương Quang D có 02 con chung là cháu Trương Mỹ An, sinh ngày 10/10/2007 và cháu Trương Quang Thịnh, sinh ngày 25/6/2011.

Anh D đề nghị được nuôi cả hai cháu, chị H đồng ý. Nguyên vọng cháu Trương Quang Thịnh muốn ở với mẹ. Tuy nhiên do chị H đang ở tạm quán tại chợ và nơi ở của chị H chỉ cách nhà (Nhà anh D và các cháu đang ở) khoảng 70 m, nên chị H vẫn có thể thường xuyên chăm sóc cả hai cháu được. Căn cứ các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình giao cho anh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Trương Mỹ A, sinh ngày 10/10/2007 và cháu Trương Quang T, sinh ngày 25/6/2011. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5]. Về tài sản chung, vay nợ chung chị Bùi Thị H, anh Trương Quang D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Bùi Thị H phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình theo quy định của Điều 147 BLTTDS và theo quy định của khoản 5 Điều

27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp.

[7] Các đương sự được kháng cáo bản án theo quy định của Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 235, 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng: Các Điều 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Cho chị Bùi Thị H ly hôn anh Trương Quang D.

2. Về con chung:

Giao cho anh Trương Quang D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Trương Mỹ A, sinh ngày 10/10/2007 và cháu Trương Quang T, sinh ngày 25/6/2011. Chị Bùi Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Bùi Thị H phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình. Trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0001301 ngày 26/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh T. Chị H đã nộp đủ án phí.

3. Chị Bùi Thị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Trương Quang D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quang Thắng Lê Thị Hoa

Phan Anh Thành

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát ND huyện YS;
- UBND xã K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Anh Thành